

Số: 193.../BC-STTTT

Sóc Trăng, ngày 20 tháng 11 năm 2018

SỞ NỘI VỤ TỈNH SÓC TRĂNG

**ĐẾN** Số: 11580.....  
Ngày: 20/11/2018

Chuyên:.....

Lưu hồ sơ số:.....

## BÁO CÁO

**Tình hình, kết quả thực hiện cải cách hành chính năm 2018  
và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019**

Thực hiện Công văn số 1699/SNV-CCHC ngày 13/8/2018 của Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng V/v hướng dẫn xây dựng báo cáo định kỳ cải cách hành chính (CCHC), Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo tình hình, kết quả thực hiện CCHC năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019, cụ thể như sau:

### **I. Tình hình tổ chức thực hiện văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC trong năm 2018:**

**1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao tại các kế hoạch, chương trình, đề án CCHC của tỉnh:**

#### **a) Các nhiệm vụ được giao:**

- Theo Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc thực hiện CCHC năm 2018: Sở được giao chủ trì thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý hành chính nhà nước theo các nội dung quy định tại Kế hoạch này. Thực hiện kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ đối với lĩnh vực được phân công. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả, tiến độ ứng dụng CNTT, mức độ hiện đại hóa nền hành chính của tỉnh. Định kỳ và đột xuất báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện các nội dung phân công.

- Theo Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 12/02/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc tuyên truyền CCHC tỉnh Sóc Trăng năm 2018: Sở được giao chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh phối hợp tuyên truyền về công tác CCHC tỉnh; quản lý hiệu quả Cổng thông tin điện tử của tỉnh, thường xuyên đăng tải các tin bài về CCHC trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo chỉ đạo của Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử của tỉnh Sóc Trăng; phối hợp với Sở Nội vụ tỉnh duy trì và phát triển Chuyên trang CCHC; hướng dẫn, hỗ trợ 100% cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh có trang thông tin điện tử thiết kế Chuyên mục CCHC của cơ quan, đơn vị.

**b) Tiến độ đạt/chưa đạt của các phần việc được giao và đánh giá sơ bộ nội dung đã thực hiện:**

- Đối với Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng, Sở đã triển khai hoàn thành tất cả các nội dung được giao theo đúng thời gian quy định như: Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành và triển khai Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 26/6/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng Về việc ứng dụng CNTT



trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Sóc Trăng; triển khai áp dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành ở một số sở, ban ngành và UBND cấp huyện theo kế hoạch (đến nay, đã triển khai 100% các sở, ban, ngành tỉnh, 100% UBND các huyện, thị xã, thành phố, 100% các xã, phường, thị trấn và đã kết nối liên thông phần mềm quản lý văn bản từ cấp tỉnh đến cấp xã); cung cấp dịch vụ công trực tuyến tối thiểu mức độ 3 đối với một số nhóm dịch vụ (năm 2018: mức độ 3 là 331 dịch vụ (trong đó cấp tỉnh là 253 dịch vụ, cấp huyện là 78), mức độ 4 là 169 dịch vụ (trong đó cấp tỉnh là 163 dịch vụ, cấp huyện là 6 dịch vụ)).

- Đối với Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 12/02/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng, Sở đã triển khai hoàn thành tất cả các nội dung được giao theo đúng thời gian quy định như: Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh phối hợp tuyên truyền về công tác cải cách hành chính tỉnh (ở nội dung này Sở tiếp tục triển khai thực hiện theo Kế hoạch số 23/KH-STTTT ngày 12/5/2017 về Tuyên truyền cải cách hành chính giai đoạn 2017 - 2020 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng và Kế hoạch số 194/STTTT-TTBCXB ngày 09/3/2018 về tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng năm 2018); quản lý hiệu quả Cổng thông tin điện tử của tỉnh, thường xuyên đăng tải tin bài về cải cách hành chính trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo chỉ đạo của Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử của tỉnh Sóc Trăng (năm 2018 là trên 50 tin, bài); phối hợp với Sở Nội vụ duy trì và phát triển Chuyên trang cải cách hành chính; thực hiện hướng dẫn, hỗ trợ 100% cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh có Trang thông tin điện tử thiết kế Chuyên mục cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị; hướng dẫn cá nhân, tổ chức sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 trong thực hiện thủ tục hành chính tại đơn vị (để thực hiện nội dung này, Sở đã ban hành Kế hoạch số 22/KH-STTTT ngày 22/6/2018 và đã báo cáo kết quả thực hiện tại Báo cáo số 109/BC-STTTT ngày 22/6/2018).

Nhìn chung, việc triển khai thực hiện các nội dung đã thực hiện đã góp phần thực hiện ngày càng tốt hơn các nhiệm vụ CCHC tại tỉnh; giúp cho việc thực hiện các mặt công tác CCHC ngày càng nhanh chóng, thuận lợi, tiết kiệm, hiệu quả,...

### **c) Nguyên nhân chưa đạt:**

- Các hình thức tuyên truyền chưa đa dạng. Việc tuyên truyền, cập nhật tin, bài có liên quan đến CCHC chưa được phong phú, chủ yếu là các văn bản hành chính.

- Do kinh phí thực hiện được phê duyệt và phân bổ chậm; kinh phí còn hạn chế so với nhu cầu thực tế.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa đánh giá hết vai trò, tầm quan trọng và ý nghĩa của các nội dung, công việc, phần việc được triển khai nên chưa tích cực hưởng ứng, phối hợp, tham gia thực hiện.

- Hệ thống đơn vị phụ trách CNTT các cấp, các ngành trong tỉnh và trình độ của cán bộ, công chức, viên chức phụ trách, chuyên trách CNTT chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng Chính phủ điện tử của tỉnh.

- Cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ cho việc ứng dụng CNTT tại nhiều địa phương, đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu.

**2. Tình hình tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC liên quan đến ngành thông tin và truyền thông triển khai trên địa bàn tỉnh:**

Sở đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành 01 văn bản, cụ thể là Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 26/6/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng Về việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Sóc Trăng.

**a) Đánh giá rõ hiệu quả, tiến độ, tỷ lệ phần việc đã triển khai đến thời điểm báo cáo:** Qua việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 26/6/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng đã góp phần làm thay đổi cả chất và lượng về việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Sóc Trăng. Đến thời điểm báo cáo, tiến độ triển khai các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch là đúng tiến độ, đạt tỷ lệ khoảng trên 100% phần việc được giao. Tuy nhiên, từng công việc cụ thể đôi lúc chưa đạt tiến độ theo kế hoạch.

**b) Nguyên nhân:**

- Nguồn nhân lực CNTT chưa đáp ứng yêu cầu.
- Do kinh phí thực hiện được phê duyệt và phân bổ chậm; kinh phí còn hạn chế so với nhu cầu thực tế.
- Cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ cho việc ứng dụng CNTT tại nhiều địa phương, đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu.

**3. Tình hình ban hành và triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC triển khai tại Sở:**

**a) Nội dung đã ban hành:** Sở ban hành các văn bản như: Kế hoạch số 10/KH-STTTT ngày 28/02/2018 về việc thực hiện CCHC năm 2018; Kế hoạch số 20/KH-STTTT ngày 11/4/2018 Về việc kiểm tra CCHC năm 2018 tại các phòng, đơn vị thuộc Sở; Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 15/3/2018 về việc tuyên truyền CCHC năm 2018; Kế hoạch số 07/KH-STTTT ngày 19/01/2018 về thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2018; Kế hoạch số 08/KH-STTTT ngày 07/02/2018 về thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2018; Kế hoạch số 09/KH-STTTT ngày 28/02/2018 rà soát các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông thuộc phạm vi quản lý của Sở; Kế hoạch số 04/KH-STTTT ngày 16/01/2018 về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC năm 2018; Kế hoạch số 05/KH-STTTT ngày 16/01/2018 về việc rà soát, đánh giá TTHC năm 2018 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông; Kế hoạch số 14/KH-STTTT ngày 22/3/2018 về việc triển khai thực hiện “Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 08/9/2015 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách TTHC” tại Sở

Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng năm 2018; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2018 (ban hành kèm theo Báo cáo số 266/BC-STTTT ngày 07/12/2017 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng); Kế hoạch số 16a/KH-STTTT ngày 27/3/2018 về phát động phong trào thi đua gắn với cải cách hành chính năm 2018; Kế hoạch số 19/KH-STTTT ngày 06/4/2018 về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng năm 2018; Kế hoạch số 12/KH-STTTT ngày 06/3/2018 về ứng dụng công nghệ thông tin năm 2018 của Sở; Kế hoạch số 11/KH-STTTT ngày 02/3/2018 về việc áp dụng, công bố, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 năm 2018 của Sở; Kế hoạch số 27/KH-STTTT ngày 05/6/2018 kế hoạch đánh giá nội bộ năm 2018; Quyết định số 47/QĐ-STTTT ngày 22/6/2018 V/v công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008; Quyết định số 77/QĐ-STTTT ngày 19/9/2018 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng kinh phí, tài sản công tại Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng;....

**b) Hiệu quả, tiến độ, tỷ lệ phần việc đã triển khai tính đến thời điểm báo cáo:**  
Qua việc ban hành và triển khai thực hiện các phần việc nêu trên đã giúp các việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính (TTHC) tại Sở được thực hiện nhanh chóng, thuận lợi, tiết kiệm, hiệu quả,... Tính đến thời điểm báo cáo, riêng chỉ trừ phần việc chuyển đổi vị trí công tác là không thể thực hiện, các phần việc còn lại đều đạt tỷ lệ hoàn thành từ 80 đến 100%.

#### **4. Việc triển khai giải pháp, cách làm hay trong thực hiện CCHC của Sở:**

Sở đã triển khai 02 giải pháp (sáng kiến) mới nhằm thực hiện tốt công tác CCHC là: “Khai thác tốt các ứng dụng CNTT hiện có để nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động và giảm chi phí hành chính tại Sở Thông tin và Truyền thông”; “Thực trạng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tại Bộ phận một cửa Sở Thông tin và Truyền thông”.

## **II. Kết quả chủ yếu đạt được:**

### **1. Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh:**

**a) Kết quả đạt được trong triển khai nhiệm vụ CCHC được giao theo chức năng nhiệm vụ phụ trách của ngành:**

- Thực hiện việc phân cấp quản lý: Theo Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 29/11/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì không có nội dung quy định về phân cấp quản lý nhà nước thuộc Sở Thông tin và Truyền thông nên Sở không thực hiện các nhiệm vụ phân cấp theo đúng kế hoạch đề ra. Hiện nay, Sở không có đơn vị trực thuộc ở cấp huyện và cấp xã. Tuy nhiên, Sở Thông tin và Truyền thông có tham mưu cho UBND tỉnh ban hành 01 văn bản phân công cho UBND cấp huyện thực hiện 06 thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông (Quyết định

số 1491/QĐ-UBND ngày 26/6/2018). Theo quy định, các thủ tục hành chính này, UBND cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nội vụ. Do đó, Sở không tổng hợp báo cáo.

- Công tác hiện đại hóa nền hành chính nhà nước: Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo một số nội dung về công tác ứng dụng CNTT tại các đơn vị trên địa bàn tỉnh trong quý III năm 2018, cụ thể như sau:

+ Về Kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh và mức độ thực hiện kế hoạch: Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch 69/KH-UBND ngày 26/6/2018 về Kế hoạch Ứng dụng CNTT trong các CQNN tỉnh Sóc Trăng năm 2018.

+ Tình hình xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh: Giai đoạn chuẩn bị đầu tư theo Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 về việc phê duyệt dự toán chi phí công tác chuẩn bị đầu tư Dự án Xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng. Đang lập dự án “Xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng”.

+ Tình hình triển khai ứng dụng CNTT tại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã: Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành đã triển khai 100% các sở, ban, ngành tỉnh, 100% UBND các huyện, thị xã, thành phố, 100% các xã, phường, thị trấn và đã kết nối liên thông phần mềm quản lý văn bản từ cấp tỉnh đến cấp xã; Hệ thống mạng nội bộ đã kết nối 18/18 các sở, ban, ngành tỉnh, 11/11 UBND các huyện, thị xã, thành phố, 80/109 xã, phường, thị trấn; tình hình vận hành hệ thống thông tin một cửa điện tử: Tính đến thời điểm báo cáo hệ thống một cửa điện tử đã triển khai cho 18/18 các sở, ban, ngành tỉnh, 11/11 UBND các huyện, thị xã, thành phố, 80/109 xã, phường, thị trấn (còn 29 xã, phường, thị trấn, dự kiến trong tháng 11/2018 sẽ hoàn thành). Ngoài ra, Sở đã tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng được cổng dịch vụ công theo địa chỉ truy cập: [motcua.soctrang.gov.vn](http://motcua.soctrang.gov.vn); tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính dưới dạng điện tử, mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3, 4, tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (có kèm biểu mẫu).

b) Các biểu mẫu đính kèm: Biểu mẫu số 10A, 11A và 12.

## 2. Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của Sở:

a) Báo cáo thông tin theo mẫu:

STT	Nội dung	Họ tên	Chức vụ	Email/điện thoại
1	Lãnh đạo phụ trách CCHC	Dương Quốc Việt	Giám đốc Sở	Dqviet @soctrang.gov.vn/ 0913.983483
2	Công chức phụ trách CCHC	Nguyễn Tiên Lên	Chánh Văn phòng Sở	ntlen @soctrang.gov.vn/ 0916.861396

3	Công chức phụ trách tham mưu CNTT	Chung Quốc Toàn	Trưởng phòng CNTT	Cqtoan @soctrang.gov.vn/ 0919.130077
4	Công chức phụ trách Bộ phận một cửa			
	- Trưởng Bộ phận	Nguyễn Tiến Lên	Chánh Văn phòng Sở	ntlen @soctrang.gov.vn/ 0916.861396
	- Phụ trách tiếp nhận hồ sơ	Lê Trúc Mạnh	Cán sự Văn thư đến	ltmanh @soctrang.gov.vn/ 0943.110979
	- Phụ trách trả kết quả hồ sơ	Bùi Hồng Dung	Cán sự Văn thư đi	bhdung @soctrang.gov.vn/ 0914.221232

**b) Kết quả nổi bật đạt được trong triển khai 6 nhiệm vụ CCHC và một số nhiệm vụ khác:**

Đính kèm các biểu mẫu: 1B, 2B, 3B, 4B, 5B, 6B,7B, 8B, 9B, 10B, 11B, 13B, 14.

### **III. Những khó khăn, vướng mắc:**

1. Hiện nay, theo như chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Thông tin và Truyền thông chưa đủ nhân lực để hoàn thành tốt tất cả nhiệm vụ. Đồng thời, ngành thông tin và truyền thông tiếp tục được giao nhiều nhiệm vụ mới. Tuy nhiên, thực hiện Đề án Tinh giản biên chế của tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông cũng tinh giản theo tỉ lệ như các đơn vị khác. Điều này đã tạo ra rất nhiều khó khăn trong quá trình kiện toàn tổ chức và thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Một số cán bộ, công chức, viên chức không theo kịp với yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới nhưng việc sắp xếp, bố trí lại gặp rất nhiều khó khăn.

3. Do đặc thù chuyên môn của Sở, việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức của Sở gặp rất nhiều khó khăn.

4. Một số cán bộ, công chức, viên chức, trong đó có cán bộ lãnh đạo tại một số cơ quan, đơn vị chưa đánh giá hết ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính nên chưa tích cực hưởng ứng, tham gia phối hợp, hỗ trợ, thực hiện,...

5. Kinh phí để thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế và phân bổ chậm.

6. Cơ sở vật chất, kỹ thuật và nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

#### **IV. Đề xuất, kiến nghị:**

Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND cấp huyện và UBND cấp xã thực hiện tốt công tác phối hợp trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ về hiện đại hóa nền hành chính nhà nước, dịch vụ bưu chính công ích,.... Đồng thời, gửi báo cáo định kỳ theo đúng thời gian quy định để Sở tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo đúng thời gian quy định.

#### **V. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2019:**

1. Sở triển khai thực hiện tốt, hoàn thành các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao tại các kế hoạch, chương trình, đề án CCHC của tỉnh; tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính liên quan đến ngành thông tin và truyền thông triển khai trên địa bàn tỉnh (nếu có); tiếp tục nghiên cứu, ban hành và triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC triển khai tại Sở; tiếp tục triển khai giải pháp, cách làm hay trong thực hiện CCHC của Sở;...

2. Đẩy mạnh triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao về thực hiện CCHC của tỉnh - cụ thể là nhiệm vụ hiện đại hóa nền hành chính nhà nước của tỉnh; tuyên truyền về cải cách hành chính của tỉnh.

#### **3. Về cải cách thể chế:**

a) Rà soát, tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông; tổ chức bộ máy của Sở.

b) Kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương và địa phương ban hành theo chức năng nhiệm vụ được giao.

#### **4. Về cải cách TTHC:**

a) Thường xuyên rà soát TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở theo quyết định chuẩn hóa của Bộ Thông tin và Truyền thông để trình Chủ tịch UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi, bãi bỏ hoặc ban hành mới theo quy định.

b) Thống kê số lượng TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị tại Bộ phận tiếp nhận và hoàn trả kết quả hồ sơ TTHC của Sở, trên Trang thông tin điện tử của Sở và Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

c) Thống kê số lượng phản ánh, kiến nghị của các cá nhân, tổ chức đối với TTHC trong lĩnh vực thông tin và truyền thông (khi có phát sinh).

#### **5. Cải cách tổ chức bộ máy:**

a) Thực hiện sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức, nhân sự theo chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh; Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức của Sở năm 2019.

b) Tiếp tục triển khai thực ĐỀ án vị trí việc làm của Sở và Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông. Đồng thời, hoàn thành việc tuyển dụng viên chức (vào cuối năm 2018 hoặc đầu năm 2019).

c) Thực hiện kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của các phòng và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở; kiểm tra và đánh giá đối với các nhiệm vụ đã phân cấp.

d) Tổ chức rà soát Quy chế làm việc của Sở để kịp thời sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới cho phù hợp với đòi hỏi của tình hình thực tiễn.

## **6. Về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:**

a) Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với vị trí việc làm, đúng trình độ chuyên môn được đào tạo.

b) Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đơn vị. Chọn, cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn, dài hạn và bồi dưỡng nâng cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ,... nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

c) Thực hiện đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Sở dựa trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

## **7. Cải cách tài chính công:**

a) Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công của Sở cho phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Sở tiếp tục triển khai thực hiện để hoàn thiện cơ chế và nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí hành chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ. Bên cạnh đó, tiến hành tổ chức triển khai, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức cơ quan các văn bản của Trung ương cũng như địa phương có liên quan đến việc thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật phòng, chống tham nhũng;... đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức cơ quan. Trong mua sắm, sửa chữa tài sản cố định bảo đảm thực hiện đúng theo trình tự quy định, dự toán ngân sách và thông qua cơ quan tài chính thẩm định không để xảy ra tình trạng lãng phí. Việc quản lý tài sản công được kiểm kê và tính khấu hao theo đúng quy định.

c) Nghiên cứu và thực hiện các giải pháp nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan. Đồng thời, tổ chức góp vốn xoay vòng cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan.



## 8. Hiện đại hóa nền hành chính:

- a) Xây dựng và triển khai thực Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của Sở năm 2019; tiếp tục ứng dụng chương trình quản lý văn bản nhằm mới tạo điều kiện thuận lợi cho công tác điều hành, quản lý các mặt trong công tác quản lý hành chính nhà nước của đơn vị được nhanh chóng, có hiệu quả và hoàn thành tốt nhiệm vụ quản quản lý hành chính nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;...
- b. Tiếp tục duy trì áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001 - 2015 tại đơn vị.

## 9. Về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:

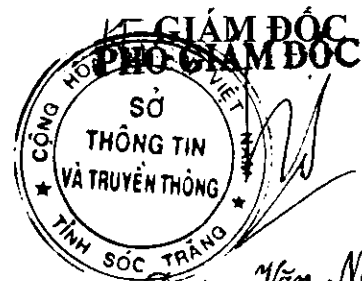
Tiếp tục thực hiện cơ chế một cửa tại đơn vị; bổ sung các trang thiết bị hiện đại, rà soát và kiện toàn Bộ phận Tiếp nhận và hoàn trả kết quả hồ sơ TTHC của Sở theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương (thực hiện chuyển việc tiếp nhận và trả kết quả TTHC về Trung tâm phục vụ hành chính công theo chỉ đạo của UBND tỉnh)

## 10. Về công tác giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân:

Tiếp tục thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân. *lelu*

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT.



*Dương Văn Nhân*



**Biểu mẫu 1B**  
**Thống kê số liệu về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính**

STT	Nội dung thống kê	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng ban	Đơn vị trực thuộc/UBND cấp xã			
1	Kiểm tra công tác CCHC	6/8 (trừ Thanh tra và TTCN TT-TT)	0	- Việc thực hiện quy trình xử lý hồ sơ, thủ tục hành chính còn cứng nhắc. -Việc sắp xếp hồ sơ, thủ tục hành chính và xuất bản phẩm còn chưa hợp lý, khoa học.	Đã khắc phục hoàn toàn các vấn đề phát hiện.	Kế hoạch số 20/KH-STTTT ngày 11/4/2018
2	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước	0	0	0	0	Theo Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 của UBND tỉnh Sóc Trăng thi tại đơn vị, Sở không có chức năng thực hiện phân cấp quản lý trong nội bộ cơ quan.
3	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2008 (hiện nay là 9001:2015)	7	1	- Một số biểu mẫu chưa thực hiện theo quy định. - Chưa cập nhật kịp thời các quy trình khi văn bản quy định có sự thay đổi.	Đã khắc phục hoàn toàn và sẽ công bố kết quả đánh giá vào ngày 30/11/2018	- Kế hoạch số 27/KH-STTTT ngày 05/6/2018. - Biên bản số 13/BB-ISO ngày 20/6/2018.

4	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính	7	1	0	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch số 07/KH-STTTT ngày 19/01/2018.</li> <li>- Kế hoạch số 08/KH-STTTT ngày 07/02/2018.</li> <li>- Báo cáo số 167/BC-STTTT ngày 03/10/2018.</li> <li>- Báo cáo số 122/BC-STTTT ngày 06/7/2018 (báo cáo năm chưa đến thời điểm báo cáo theo quy định)</li> </ul>
5	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật,...)	1	0	Hiện nay, Sở đang tiến hành thanh tra về việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng tại Văn phòng Sở theo kế hoạch đề ra.	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch số 03/KH-STTTT ngày 15/01/2018.</li> <li>- Quyết định số 02/ĐTTra ngày 12/11/2018.</li> </ul>



**Biểu mẫu 2B**  
**Thông kê số liệu về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện**  
**văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh**

STT	Nội dung thống kê	Tổng số	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của HĐND, UBND</b>		
-	Số VBQPPL đã được ban hành trong kỳ báo cáo	0	Sở đang trình UBND tỉnh 01 văn bản theo phê duyệt.
-	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ đã đề ra	0	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	0	
<b>2</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>		
-	Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền	13	
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật	0	
-	Số văn bản trái pháp luật đã được xử lý	0	
-	Số văn bản trái pháp luật chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo	0	
<b>3</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>		
-	Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo	13	
-	Số văn bản được đề nghị xử lý sau rà soát	02	Trong đó: Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 28/9/2015 và bãi bỏ Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014. Đã được UBND tỉnh Sóc Trăng chấp thuận tại Công văn số 3594/VP-VX ngày 20/8/2018.
-	Số văn bản đã được xử lý sau rà soát	02	Sở đang trình UBND tỉnh ban hành quyết định.
-	Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý	0	



**Biểu mẫu 3B**  
**Thông kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC tại các đơn vị, địa phương**

STT	Nội dung thông kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có	Kế hoạch số 04/KH-STTTT ngày 16/01/2018 và Kế hoạch số 05/KH-STTTT ngày 16/01/2018
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC	41	
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử	41	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Có	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	16	(Đây là ý kiến đánh giá mức độ giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa)
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	16	(Tất cả ý kiến đều đánh giá tốt và hài lòng)



**Biểu mẫu 4B**  
**Thống kê số liệu về số TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết**

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang	Số TTHC liên thông dọc	
<b>I</b>	<b>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết</b>	<b>41</b>	<b>28</b>	<b>28</b>	<b>0</b>	<b>41</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Lĩnh vực Bru chính: 06 TTHC	06	06	06	0	06	0	0	0	Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 26/6/2018:
2	Lĩnh vực Báo chí	03	0	0	0	03	0	0	0	Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 24/4/2017
3	Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	17	14	14	0	14	0	0	0	Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 24/4/2017; Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 và Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 01/6/2016
4	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	14	08	08	0	14	0	0	0	Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 26/6/2018; Quyết định số

STT	Cơ quan đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố trong thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang	Số TTHC liên thông dọc	
										1326/QĐ-UBND ngày 31/5/2016; Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 18/4/2018
5	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	01	0	0	0	01	0	0	0	Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 24/4/2017
II	TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND cấp huyện	06	06	06	0	06	0	0	0	
1	Lĩnh vực Xuất bản, In, Phát hành	02	02	02	0	02	0	0	0	Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 26/6/2018
2	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	04	04	04	0	04	0	0	0	Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 26/6/2018
III	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	0	0	0	0	0	0	0	0	
<b>Tổng số = (I) + (II) + (III)</b>		<b>47</b>	<b>34</b>	<b>34</b>	<b>0</b>	<b>47</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	



**Biểu mẫu 5B**  
**Thống kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp sở ngành, cấp huyện**


STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trá đúng hạn	Trá quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
<b>I</b>	<i>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cơ quan tỉnh</i>	<b>91</b>	<b>0</b>	<b>91</b>	<b>81</b>	<b>81</b>	<b>0</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	Tất cả hồ sơ, TTHC đều được Sở giải quyết đúng và trước hạn theo quy định. Tuy nhiên việc xử lý trên Phần mềm Một cửa còn trễ hạn.
	<i>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện</i>										Nội dung này do cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính báo cáo. (Cấp xã báo cáo số liệu cho cấp huyện; cấp huyện trực tiếp báo cáo Sở Nội vụ)
<b>II</b>	<i>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã</i>										
<b>Tổng số = (I) + (II)</b>		<b>91</b>	<b>0</b>	<b>91</b>	<b>81</b>	<b>81</b>	<b>0</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	





**Biểu mẫu 6B**  
**Thống kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính tại Sở năm 2018**

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện				Số lượng lãnh đạo cấp phòng và trung ương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tình hình biên chế		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo kế hoạch năm	Đã thực hiện	
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn					
<b>I</b>	<b>Các cơ quan tỉnh</b>	8	0	4	0	0	0	7	0	0	0	28	0	0	0	
<b>II</b>	<b>UBND cấp huyện</b>															
<b>III</b>	<b>UBND cấp xã</b>															
<b>Tổng số = (I) + (II) + (III)</b>		<b>8</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>28</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	



**Biểu mẫu 7B**  
**Thông tin hồ sơ tuyển dụng về CBCCVV năm 2018**

STT	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCVV hiện có mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL	Số lượng CBCCVV được đào tạo, bồi dưỡng		Định kỳ chuyên đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVV		Điều động, chuyển công tác CB CC VC	Năng lực theo thẩm quyền	
		Biên chế	HD c. môn		Đào tạo	Bồi dưỡng nghiệp vụ	Chỉ tiêu chuyên đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng	Không qua thi tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên		TX	TH
I	<i>Các cơ quan tỉnh</i>	37	10	40	0	40	5	0	Có	Đang chuẩn bị tổ chức xét tuyển	0	0	0	0	12	4
1	<i>Sở Thông tin và Truyền thông</i>	28	0	23												
2	<i>Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (đơn vị sự nghiệp thuộc Sở)</i>	9	10	17												



Biểu mẫu 8B  
Thống kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức, công vụ

STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	1	(Tất cả 07/07 phòng thuộc Sở đã hoàn thiện bản mô tả)
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự (chưa tự chủ) đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	1	
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức	0	
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	


**SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**  
**Biểu mẫu 9B**  
**Thống kê số liệu về cải cách tài chính công**

STT	Nội dung thống kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	0	0	
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.			
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	0	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	0	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	1	0	
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	0	0	



**Biểu mẫu 10A**  
**Thống kê số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh**

STT	Cơ quan, đơn vị	Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4				Ghi chú
		Tổng số văn bản đi	Trong đó		Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			
			Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính	
I	Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	38726	38726	5703	253	7549	7419	130	163	10608	7302	3306	
II	UBND cấp huyện	39891	39891	2179	78	7989	7989	0	6	0	0	0	
Tổng số = (I) + (II)		78617	78617	7882	331	15538	15408	130	169	10608	7302	3306	



**Biểu mẫu 10B**  
**Thống kê số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến**

STT	Cơ quan, đơn vị	Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4				Ghi chú
		Tổng số văn bản đi	Trong đó			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			
			Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử	Số văn bản phát hành VB giấy + điện tử		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính	
I	Cơ quan cấp tỉnh	38726	38726	5703	5703	253	7549	7419	130	163	10608	7302	3306	
II	UBND cấp huyện	39891	39891	2179	2179	78	7989	7989	0	6	0	0	0	
<b>Tổng</b>		<b>78617</b>	<b>78617</b>	<b>7882</b>	<b>7882</b>	<b>331</b>	<b>15538</b>	<b>15408</b>	<b>130</b>	<b>169</b>	<b>10608</b>	<b>7302</b>	<b>3306</b>	



**Biểu mẫu 11A**  
**Thống kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)**  
**trên địa bàn tỉnh năm 2018**

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo	Số lượng hồ sơ có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
				Số hồ sơ tiếp nhận	Số hồ sơ trả kết quả	
<b>I</b>	<b>Cơ quan cấp tỉnh</b>	<b>930</b>	<b>48</b>	<b>16.851</b>	<b>102.333</b>	
1	Công an	04	04		47.452	
2	Bảo hiểm Xã hội	28	06	15.969	24.061	
3	Tòa án Nhân dân	01	01		25.835	
4	Sở Tư pháp	81	09	794	1.392	
5	Sở Giao thông vận tải	46	03	61	3.342	
6	Sở TN và MT	95	02		06	
7	Sở Y tế	134	04		91	
8	Sở NNPTNT	76	07	5	28	
9	Sở VH TTDL	51	05		42	
10	Thanh tra tỉnh	07	01		37	
11	Sở Nội vụ	65				
12	Sở KH và CN	29				
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	117	01		21	
14	Sở Công thương	19	03	15	15	
15	Sở Tài chính	17	02	07	11	
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	04				
17	Sở LĐTBXH	100				

18	Sở TTTT	41				
19	Sở Xây dựng	13				
20	Ban Dân tộc	02				
<b>II</b>	<b>UBND cấp huyện</b>	<b>493</b>	<b>22</b>		<b>753</b>	
01	Thành phố Sóc Trăng	107			33	
02	Thị xã Ngã Năm	16	1		11	
03	Huyện Kế Sách	16			1	
04	Huyện Long Phú	128	21		707	
05	Huyện Cù Lao Dung	11			1	
06	Huyện Mỹ Xuyên	137				
07	Huyện Thạnh Trị	78				
<b>III</b>	<b>UBND cấp xã</b>	<b>08</b>	<b>0</b>			
01	Huyện Long Phú	02				
02	Huyện Cù Lao Dung	06				
<b>Tổng (I) + (II) + (III)</b>		<b>1.431</b>	<b>47</b>	<b>16.851</b>	<b>103.086</b>	





**Biểu mẫu 11B**  
**Thống kê số liệu và kết quả triển khai dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)**  
**tại Sở Thông tin và Truyền thông năm 2018**

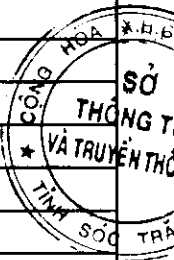
STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
I	Sở Thông tin và Truyền thông	41 TTHC	0 TTHC	0 TTHC	

**Biểu mẫu 12**

**Thống kê tình hình cập nhật thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa điện tử**

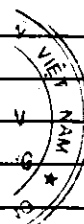
Số liệu được thống kê đến ngày 19/11/2018

STT		Nội dung thống kê	Số lượng			Ghi chú
			Tiếp nhận	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết trễ hạn	
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>					
1		Sở Nội vụ	304	288	13	
2		Sở Tài chính	589	341	16	
3		Sở Y tế	1415	1202	37	
4		Sở Tài nguyên và Môi trường	500	295	151	
5		Sở Giáo dục và Đào tạo	367	337	25	
6		Thanh Tra tỉnh	55	54	1	
7		Sở Công thương	2013	1976	26	
8		Sở Nông nghiệp và PTNT	5540	5494	27	
9		Sở Khoa học và Công nghệ	37	37	0	
10		Sở Xây dựng	830	782	7	
11		Sở Kế hoạch và Đầu tư	194	158	24	
12		Sở Thông tin và Truyền thông	91	72	14	
13		Sở Tư pháp	4479	4096	159	
14		Sở Văn hóa, Thể thao và DL	565	562	1	
15		Sở Giao thông Vận tải	387	378	6	
16		Sở Lao động, TB&XH	49	32	12	
17		Ban Dân tộc	2	2	0	
<b>II</b>	<b>Cấp huyện</b>					
1		Châu Thành	4096	4050	35	
2		Long Phú	5836	5433	17	
3		Trần Đề	9161	8379	299	
4		Thạnh Trị	2368	1598	147	
5		Ngã Năm	7214	6671	60	
6		TPST	17160	9853	7260	
7		Kế Sách	1459	1086	95	
8		Mỹ Tú	6833	6789	36	
9		Mỹ Xuyên	7310	7228	77	
10		Cù Lao Dung	3635	3467	78	
11		Vĩnh Châu	3767	3527	92	
<b>III</b>	<b>Cấp xã</b>					
<b>1</b>	<b>TP.Sóc Trăng</b>					
		Phường 1	1326	1326	0	
		Phường 2	2303	2250	50	
		Phường 3	550	550	0	
		Phường 4	5	5	0	
		Phường 5	2190	2164	26	
		Phường 6	772	769	0	
		Phường 7	156	131	25	
		Phường 8	929	923	4	
		Phường 9	376	376	0	
		Phường 10	1073	1050	23	



<b>2</b>	<b>Thị xã Ngã Năm</b>				
	Phường 1	3490	2126	1238	
	Phường 2	4735	4663	72	
	Phường 3	5670	5399	260	
	Long Bình	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Mỹ Bình	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Mỹ Quới	503	479	23	
	Tân Long	5	4	0	
	Vĩnh Quới	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
<b>3</b>	<b>Thị xã Vĩnh Châu</b>				
	Phường 1	3976	3975	0	
	Phường 2	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Phường Khánh Hòa	2784	2764	1	
	Phường Vĩnh Phước	3137	3024	101	
	Hòa Đông	534	531	3	
	Lạc Hòa	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Lai Hòa	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Vĩnh Hải	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Vĩnh Hiệp	36	34	1	
	Vĩnh Tân	4227	4183	41	
<b>4</b>	<b>Huyện Châu Thành</b>				
	TT. Châu Thành	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	An Hiệp	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	An Ninh	2766	2744	22	
	Hồ Đắc Kiện	3897	3836	61	
	Phú Tâm	5520	5428	76	
	Phú Tân	6678	6448	223	
	Thiện Mỹ	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Thuận Hòa	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
<b>5</b>	<b>Huyện Cù Lao Dung</b>				
	TT. Cù Lao Dung	554	553	1	
	An Thạnh 1	507	475	25	
	An Thạnh 2	60	53	7	
	An Thạnh 3	9	9	0	
	An Thạnh Đông	2	2	0	
	An Thạnh Nam	243	236	5	
	An Thạnh Tây	76	70	4	
	Đại Ân 1	7	6	0	
<b>6</b>	<b>Huyện Long Phú</b>				
	TT. Long Phú	2719	2710	2	
	TT. Đại Ngãi	1354	1324	5	
	Châu Khánh	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Hậu Thạnh	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Long Đức	3524	3473	3	
	Long Phú	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Phú Hữu	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Song Phụng	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Tân Hưng	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Tân Thạnh	9810	9805	3	

	Trường Khánh	8375	8279	52	
<b>7</b>	<b>Huyện Kế Sách</b>				
	TT. Kế Sách	0	0	0	
	TT. An Lạc Thôn	5	0	5	
	An Lạc Tây	1293	1292	1	
	An Mỹ	1004	1003	1	
	Ba Trinh	0	0	0	
	Đại Hải	911	896	2	
	Kế An	776	774	2	
	Kế Thành	2997	2890	104	
	Nhon Mỹ	419	393	6	
	Phong Nẫm	413	406	7	
	Thới An Hội	0	0	0	
	Trình Phú	659	571	80	
	Xuân Hòa	213	213	0	
<b>8</b>	<b>Huyện Mỹ Tú</b>				
	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	23	22	1	
	Hung Phú	3	1	2	
	Long Hưng	112	112	0	
	Mỹ Hương	1	0	1	
	Mỹ Phước	3464	121	3255	
	Mỹ Thuận	898	779	116	
	Mỹ Tú	249	249	0	
	Phú Mỹ	2	2	0	
	Thuận Hưng	279	248	9	
<b>9</b>	<b>Huyện Mỹ Xuyên</b>				
	TT. Mỹ Xuyên	2764	2208	496	
	Đại Tâm	1340	1304	299	
	Gia Hòa 1	1492	1467	22	
	Gia Hòa 2	3060	3026	31	
	Hòa Tú 1	1920	1919	1	
	Hòa Tú 2	6358	6353	3	
	Ngọc Đông	4674	4670	4	
	Ngọc Tổ	3219	3219	0	
	Tham Đôn	592	588	4	
	Thanh Phú	7654	7654	1	
	Thanh Quới	5537	5536	1	
<b>10</b>	<b>Huyện Thạnh Trị</b>				
	TT. Phú Lộc	1814	1813	0	
	TT. Hưng Lợi	6303	6303	0	
	Châu Hưng	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Lâm Kiệt	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Lâm Tân	1470	1364	106	
	Thanh Tân	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Thanh Trị	0	0	0	
	Tuần Tức	1392	1392	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Vĩnh Lợi	334	315	15	
	Vĩnh Thành	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
<b>11</b>	<b>Huyện Trần Đề</b>				



	TT. Trần Đề	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	TT. Lịch Hội Thượng	2240	2154	40	
	Đại Ân 2	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Lịch Hội Thượng	384	364	7	
	Liêu Tú				Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Tài Văn				Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Thạnh Thới An	392	392	0	
	Thạnh Thới Thuận	0	0	0	
	Trung Bình	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Viên An	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Viên Bình	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018



**Biểu mẫu 13B**

**Thống kê số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2008 (hiện nay là ISO 9001:2015) tại Sở**

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống</b>		
1	Số đơn vị hành chính cấp xã đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO		
2	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định trong ISO		
<b>II</b>	<b>Duy trì, cải tiến hệ thống</b>		
1	Thực hiện công bố lại ISO	Có	Có công bố tại Quyết định số 47/QĐ-STTTT ngày 22/6/2018. Hiện nay, Sở đã hoàn thành Bộ quy trình theo Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015 và đang tiến hành đánh giá nội bộ. Dự kiến Sở sẽ công bố vào ngày 30/11/2018.
2	Thực hiện đánh giá nội bộ	Có	
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có	
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng	Có	
5	Nội dung khác	0	



Biểu mẫu 14

**Thống kê tình hình tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo**

STT	Nội dung thông kê	Số lượng					Ghi chú
		Tiếp nhận			Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	
		Tổng	Được thẩm quyền	Không được thẩm quyền giải quyết			
I	Cấp tỉnh (Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng)	3	0	3	0	0	Tất cả 03 khiếu nại này có nội dung liên quan đến việc đăng tải thông tin sai sự thật trên báo chí. Không có khiếu nại nào liên quan đến tình hình, kết quả cải cách hành chính tại đơn vị.
II	Cấp huyện						
III	Cấp xã						